TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **155/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí.

2. Ông: Bà Nông Thị Hương - Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Phương Th, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Tổ 6, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Phương Thúy trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn với nhau vào ngày 09/04/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn M , xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang được một thời gian thì chuyển xuống sinh sống cùng bố mẹ chị tại tổ 6, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

- *Về con chung*: Chị và và anh Nguyễn Sơn T có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 24/10/2012. Hiện cháu đang ở cùng với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Sơn Tùng trình bày*:

Anh và chị Nguyễn Phương Th kết hôn với nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/04/2012. Việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc, đến cuối năm 2019 bắt dầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th có biểu hiện bất thường trong mối quan hệ tình cảm bên ngoài. Do mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được. Do vậy anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Th có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 24/10/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Chị Th và anh T kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 09/04/2012, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị Th và anh T đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th và xử cho chị Nguyễn Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Sơn T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Nguyễn Phương Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Thúy phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Phương Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Sơn T có mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Phương Th và anh Nguyễn Sơn T kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 09/04/2012, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Phương Th và anh Nguyễn Sơn T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể qua về đoàn tụ gia đình và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 24/10/2012, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị Th. Chị Th có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị Th và anh T sống ly thân thì cháu L ở cùng với chị Th, qua hỏi nguyện vọng của cháu L thì cháu L có nguyện vọng được ở với chị Th, ngoài ra thấy rằng chị Th là cán bộ công chức việc làm ổn định. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Nguyễn Phương L, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Nguyễn

Phương L cho chị Nguyễn Phương Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị Th không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Phương Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 227; 228; 235; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* **Tuyên xử**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Sơn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Nguyễn Phương Th được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Sơn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Phương Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002531, ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị Thúy đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Sơn T không phải chịu án phí.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Văn Tuyến

\